

Số: 39 /2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 70/2026/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị D; sinh năm: 1990;
Căn cước công dân số: 002190000745, cấp ngày 30/3/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C;
Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Q, tỉnh Tuyên Quang.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T; sinh năm: 1989;
Căn cước số: 002089000577, cấp ngày 30/3/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C;
Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị D và anh Nguyễn Đình T.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị D và anh Nguyễn Đình T nhất trí thuận tình ly hôn
 - Về con chung: Chị Nông Thị D và anh Nguyễn Đình T xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 25/6/2014. Sau khi ly hôn chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Nông Thị D và anh Nguyễn Đình T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị D nhất trí chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000218 ngày 23/7/2026. Trả lại cho chị Nông Thị D 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí chênh lệch. Anh Nguyễn Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 7;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Quân Bạ ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Đình Vĩ